

**CÔNG TY TNHH QUANG NGUYỄN HG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH QUANG NGUYỄN HG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: QUANG NGUYEN HG COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: QUANG NGUYEN HG CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109540638

**3. Ngày thành lập:** 05/03/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Lô 2, căn biệt thự 12.4 biệt thự Hoa Phượng, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0908.763.883

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4312        |
| 2.  | Sản xuất sản phẩm từ plastic<br>Chi tiết : Sản xuất bao bì từ plastic, túi xốp HDPE, túi nylon, túi nhựa PP, PE                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2220        |
| 3.  | Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1702        |
| 4.  | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất sổ sách, sổ kế toán, bìa rời, an-bum và các đồ dùng văn phòng phẩm;<br>- Sản xuất hộp, túi, túi dệt, giấy tóm tắt;<br>- Sản xuất giấy dán tường và giấy phủ tường;<br>- Sản xuất giấy lọc và bìa giấy;<br>- Sản xuất ống chỉ, suốt chỉ bằng giấy và bìa giấy;<br>- Sản xuất khay đựng trứng;<br>- Sản xuất giấy mới từ giấy phế thải;<br>- Sản xuất vàng mã các loại.<br>- Sản xuất giấy vệ sinh, băng vệ sinh;<br>- Sản xuất giấy viết, giấy in;<br>- Sản xuất giấy in cho máy vi tính;<br>- Sản xuất giấy nền và giấy than;<br>- Sản xuất giấy phết hồ sẵn và giấy dính;<br>- Sản xuất phong bì, bưu thiếp; | 1709(Chính) |

|     |                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm                                                                                         | 4649 |
| 6.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                            | 4651 |
| 7.  | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                       | 1812 |
| 8.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Mực in, mực phô tô, Bán buôn bao bì từ plastic, túi xốp HDPE, túi nylon, túi nhựa PP, PE.... | 4669 |
| 9.  | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                 | 4723 |
| 10. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                           | 4752 |
| 11. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                              | 4101 |
| 12. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                 | 4933 |
| 13. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: tư vấn, thiết kế mẫu và bộ nhận diện thương hiệu                                                                                                                   | 7410 |
| 14. | In ấn                                                                                                                                                                                                          | 1811 |
| 15. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                       | 4761 |
| 16. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông<br>(không bao gồm thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện)                                                                                             | 4652 |
| 17. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                               | 4722 |
| 18. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                       | 5621 |
| 19. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>(không bao gồm kinh doanh quán bar)                                                                                                                                                 | 5630 |
| 20. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                 | 4329 |
| 21. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                 | 4330 |
| 22. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                            | 4390 |
| 23. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                | 4659 |
| 24. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                       | 4773 |
| 25. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                      | 7310 |
| 26. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác                                                                                                                                       | 8219 |
| 27. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                                                                              | 1621 |
| 28. | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                                                                                                                        | 1623 |
| 29. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện                                                                                                                       | 1629 |
| 30. | Bốc xếp hàng hóa<br>(Không bao gồm bốc xếp hàng hóa tại cảng hàng không)                                                                                                                                       | 5224 |
| 31. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                                                                                                            | 5229 |

|     |                                                                                                                       |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 32. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>(Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định)                           | 5510 |
| 33. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                               | 4663 |
| 34. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                | 4741 |
| 35. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>(không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường) | 5610 |
| 36. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                  | 5629 |
| 37. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                            | 4299 |
| 38. | Phá dỡ                                                                                                                | 4311 |
| 39. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                 | 4321 |
| 40. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                 | 4322 |

**6. Vốn điều lệ:** 7.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức   | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGÔ VĂN GIANG  | Khu nhà ở Biệt thự Hoa Phượng, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 4.000.000.000         | 57,140    | 001088032454                                                                                                                                      |         |
| 2   | VŨ THỊ HUYỀN   | Khu nhà ở Biệt thự Hoa Phượng, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 3.000.000.000         | 42,860    | 001190027910                                                                                                                                      |         |

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGÔ VĂN GIANG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 11/10/1998

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001088032454

Ngày cấp: 13/07/2020

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu nhà ở Biệt thự Hoa Phượng, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Khu nhà ở Biệt thự Hoa Phượng, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội